TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI** Bản án số: 44/2019/DS -ST Ngày 28/6/2019 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư;

2. Ông Nguyễn Văn Tấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2019/TLST-DS ngày 01/3/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST- DS ngày 25/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2019/QĐST-DS, ngày 14/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm M Y, thôn T L, xã T H, Huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty CP MT

Địa chỉ: Km A, Quốc lộ 1A, tổ dân phố T, phường T1, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đoàn Ngọc H, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Số B đường T Q Đ, phường B1, quận P, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Nguyễn Đình P, chức vụ: Phó tổng giám đốc, địa chỉ: Phường T1, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-CT ngày 22/3/2019), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Đ; Địa chỉ: Số C đường P, phường B2, quận B3, thành phố Hồ Chí Minh.

Chổ ở hiện nay: Số D Chung cư K- C, phường C, quận C1, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phan Thị Kim T trình bày:*

Ngày 10/02/2013 bà và Công ty cổ phần T (doanh nghiệp đổi tên thành Công ty CP MT từ 24/4/2015) đã ký Hợp đồng vay vốn số 07/2013/HĐVV (hợp đồng). Theo hợp đồng, bà T cho Công ty cổ phần T vay 374.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay: Kể từ khi nhận nợ vay, lãi suất cho vay: 6% và 5%/tháng được tính mỗi lần nhận tiền vay. Ngày 12/02/2013 bà T và Công ty cổ phần T đã ký phụ lục hợp đồng, thay đổi lãi suất thành 13,2%/năm. Bà T đã giao đủ 374.000.000 đồng cho Công ty cổ phần T, tuy nhiên Công ty cổ phần T trốn tránh không trả gốc, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho bà. Sau khi biết được Công ty cổ phần T đổi tên thành Công ty CP MT, ngày 26/5/2017 bà đã gởi Đơn yêu cầu Công ty CP MT (Công ty) phải trả nợ cho bà số tiền nợ gốc 374.000.000 đồng và tiền lãi nhưng đến nay Công ty mới trả cho bà 50.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 12/4/2019. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải tiếp tục trả cho bà 324.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu tiền lãi.

** Tại Bản tự khai ngày 22/03/2019; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Công ty CP MT trước đây có tên gọi là Công ty cổ phần T. Công ty CP MT thống nhất có ký Hợp đồng vay vốn số 07/2013/HĐVV ngày 10/02/2013 và Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 07/2013/HĐVV ngày 12/02/2013 với bà Phan Thị Kim T, Công ty thừa nhận còn nợ và đồng ý trả nợ cho bà T số tiền nợ gốc là 374.000.000 đồng (Ngày 12/4/2019 Công ty đã trả cho bà T 50.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại là 324.000.0000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Công ty CP MT thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc 324.000.000 đồng, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tiền lãi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh, nên bà Phan Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Công ty CP MT trả số tiền nợ gốc 324.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Công ty CP MT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.200.000 đồng.

[3.2] Hoàn trả cho bà Phan Thị Kim T 14.996.619 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144,147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T. Buộc Công ty CP MT phải trả cho bà Phan Thị Kim T số tiền 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Công ty CP MT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu, hai trăm ngàn đồng).

4. Hoàn trả cho bà Phan Thị Kim T 14.996.619 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm mười chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000404 ngày 28/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** *Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly